

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HT
TỈNH TN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2018

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Xuân Phong.

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích V – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Sĩ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **HTH**, sinh năm 1972 – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 7/1, ấp Trường Ân, xã TĐ, huyện HT, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Chị **LTCV**, sinh năm 1970 – vắng mặt.

Địa chỉ: Ô2/27, ấp TL, xã TĐ, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/4/2018, tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2018 và biên bản hòa giải ngày 26/4/2018, nguyên đơn anh HTH trình bày:

Anh H và chị V bắt đầu chung sống từ năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống chung hạnh phúc đến năm 2012 thì chị V nói với mẹ ruột anh H là chị V đang thiếu nợ của nhiều người nên pH bỏ nhà đi làm để trả nợ, trước đó chị V cũng bỏ nhà đi như vậy nhiều lần nhưng anh H đi tìm về, lần này thì anh H không đi tìm nên anh chị không còn sống chung từ đó đến nay, không có việc anh H cưới vợ khác, nay tình cảm không còn nên anh H yêu cầu ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh chị sống chung có 05 con chung gồm: HMN, sinh năm 1991; HNTr, sinh năm 1993, HNTrn, sinh năm 1995, HMT, sinh năm 1998 và HMHi, sinh năm 19/3/2004, 03 cháu Minh N, Ngọc Tr và Ngọc Trn đã có gia đình riêng, cháu Minh T đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Mhi có nguyện vọng được sống chung với anh H nên anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Mhi, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2018, biên bản hòa giải ngày 26/4/2018, bị đơn chị LTCV trình bày:

Chị V thống nhất lời trình bày của anh H về thời gian chung sống, anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn, anh chị sống chung hạnh phúc đến năm 2012, do chị V thiếu nợ của nhiều người nên chị V có nói với anh H là muốn đi làm để trả nợ thì anh H nói muốn đi đâu thì đi, do không có đăng ký kết hôn nên chị nghĩ anh chị tự ly hôn, 03 tháng sau anh H có vợ mới, anh chị không sống chung từ đó đến nay. Nay anh H yêu cầu ly hôn thì chị V đồng ý.

Về con chung: Anh chị sống chung có 05 con chung như anh H trình bày, các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Mhi có nguyện vọng được sống chung với anh H nên chị V đồng ý.

Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Do anh H và chị V sống chung không đăng ký kết hôn nên Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng. Về con chung anh chị có 05 con chung gồm: HMN, sinh năm 1991; HNTr, sinh năm 1993, HNTrn, sinh năm 1995, HMT, sinh năm 1998 và HMHi, sinh năm 19/3/2004; ghi nhận anh chị thống nhất giao cháu Mhi cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng và anh H không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi cháu Hiếu, các con khác đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn anh Huỳnh Tuấn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn chị LTCV đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H, chị V là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1]. Về hôn nhân:

Anh HTH và chị LTCV tự nguyện chung sống từ năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì chị V thiếu nợ của nhiều người nên chị V nói với anh H muốn đi làm ăn trả nợ, anh H đồng ý, do anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn nên chị V nghĩ có thể tự ly hôn, anh chị không sống chung từ đó đến nay, trong quá trình Tòa án làm việc anh chị thống nhất ly hôn, thấy rằng: Anh H, chị V sống chung không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị không hợp pháp nên Hội đồng xét

xử áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận anh H, chị V là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Anh chị có 05 con chung tên HMN, sinh năm 1991; HNTr, sinh năm 1993, HNTrn, sinh năm 1995, HMT, sinh năm 1998 và HMHi, sinh năm 19/3/2004.

Các con chung gồm: HMN, sinh năm 1991; HNTr, sinh năm 1993, HNTrn, sinh năm 1995, HMT, sinh năm 1998 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện cháu Mhi đang sống với anh H, cháu Hiếu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh H. Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa, anh H và chị V thống nhất để anh H tiếp tục nuôi cháu Mhi, xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ghi nhận anh H không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Anh H và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Anh H và chị V trình bày không có.

[5]. Về án phí: Anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên bố không công nhận anh HTH và chị LTCV là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh chị có 05 con chung tên HMN, sinh năm 1991; HNTr, sinh năm 1993, HNTrn, sinh năm 1995, HMT, sinh năm 1998 và HMHi, sinh năm 19/3/2004.

Các con chung tên HMN, sinh năm 1991; HNTr, sinh năm 1993, HNTrn, sinh năm 1995, HMT, sinh năm 1998, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh HTH được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu HMHi, sinh năm 19/3/2004.

Ghi nhận anh H không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi cháu Hiếu.

Sau khi ly hôn, chị V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh H và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh H và chị V trình bày không có.

5. Về án phí:

Anh HTH pH chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số 0019565 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN. Ghi nhận anh H đã nộp xong tiền án phí.

Anh HTH và chị LTCV vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng